

Bản án số: 226/2025/HS-PT

Ngày: 06-5-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

ông Võ Ngọc Thông

Các Thẩm phán:

ông Nguyễn Văn Tào

bà Trần Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: ông **Trần Xuân Lộc**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Phạm Tấn Ánh**, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 110/2025/TLPT-HS ngày 06 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo **Mạch Thị N** cùng đồng phạm về các tội: “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”, “Rửa tiền”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, “Đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông”, “Xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác”, “Đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông”, “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2025/HS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Mạch Thị N, tên gọi khác: Không, sinh ngày 12/6/1993 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: **Thôn H, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Mạch Văn S** và bà **Nguyễn Thị H**; chồng con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 06/10/2022 đến nay tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**; theo lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2. Hòa Ngọc H1, tên gọi khác: Không, sinh ngày 17/10/1996 tại tỉnh Bình Phước; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: **Khu D, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới

tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Hỏa Ngọc Ứ** và bà **Nguyễn Thị T**; vợ: đã bỏ đi; con: có 01 con; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt truy nã từ ngày 04/11/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**; theo lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Phát T1, tên gọi khác: Không, sinh ngày 10/6/1999 tại tỉnh Tiền Giang; nơi ĐKHKTT: **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang**; chỗ ở hiện nay: **Số A N, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông không xác định và bà **Nguyễn Thị T2**; vợ: **Nguyễn Thị Thúy V**; con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt từ ngày 06/10/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**; theo lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

4. Đoàn Phạm Thành N1, tên gọi khác: Không, sinh ngày 27/01/1995 tại tỉnh Bình Phước; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: **Thôn Đ, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Đoàn Văn L** và bà **Phạm Thị Lệ S1**; vợ con: chưa có; tiền sự: không, tiền án: có 01 tiền án: Ngày 13/12/2022 bị Tòa án nhân dân quận 7, **TP . Hồ Chí Minh** xử phạt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với hình phạt 04 năm 06 tháng tù tại bản án số 167/2022/HSST; ngày 30/7/2014 bị TAND huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 09 năm tù tại bản án số 61/2014/HSST. Hiện bị cáo đang thi hành án tại **Trại giam T10**; theo lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

5. Phan Thị B, tên gọi khác: Không, sinh ngày 30/01/1994 tại tỉnh An Giang; nơi ĐKHKTT: **ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang**; tạm trú: 85A **Trần Thị B1, T, xóm H, C, TP . Hồ Chí Minh**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Phan Văn V1** và bà **Nguyễn Thị Bích T3** (đã chết); chồng con: chưa có; tiền án, tiền sự: không, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**; theo lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

6. Phạm Lý H2, tên gọi khác: Không, sinh ngày 08/7/1994 tại **TP .**; nơi ĐKHKTT: 62 **L, P, T, TP .**; tạm trú: **ấp Ô, phường T, huyện T, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Phạm Văn Đ** và bà **Lý Bát M**; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: không, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**; theo lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

*Người bào chữa cho bị cáo **Hỏa Ngọc H1***: Luật sư **Hoàng Đại A**, thuộc **Đoàn luật sư tỉnh Q**; Luật sư **Hồ Minh K** thuộc **đoàn luật sư tỉnh N**. Có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Phát T1***: Luật sư **Lê H3**, thuộc **Đoàn luật sư tỉnh H**. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Phạm Thành N1: Luật sư Lê Quang H4, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đối với hành vi “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” và “Rửa tiền” của Mạch Thị N, Đoàn Phạm Thành N1 và Thái Quang Đông P.

Từ cuối tháng 6 năm 2021 đến tháng 10 năm 2022, Mạch Thị N quen và sống chung với Đoàn Phạm Thành N1. Trước đó Mạch Thị N có tham gia các hội nhóm trên mạng xã hội và quen một người có nickname “Badboy” (Mạch Thị N không biết thông tin gì về người này), người này hướng dẫn cho Mạch Thị N cách chiếm đoạt quyền sử dụng số điện thoại, tài khoản của người khác để lấy tiền. Sau khi biết được cách thức, Mạch Thị N sử dụng các thông tin cá nhân người khác mà Mạch Thị N có được thông qua hành vi mua bán dữ liệu thông tin người khác để thực hiện các thủ thuật nhằm chiếm đoạt tiền trong tài khoản của họ nhưng không thành công. Vì vậy Mạch Thị N rủ Đoàn Phạm Thành N1 làm cùng nhưng Đoàn Phạm Thành N1 không đồng ý và có can ngăn Mạch Thị N, tuy nhiên Mạch Thị N vẫn tìm cách để thực hiện.

Mạch Thị N liên hệ với Thái Quang Đông P (là bạn của Đoàn Phạm Thành N1) để rủ cùng thực hiện với Mạch Thị N vì Mạch Thị N thấy Thái Quang Đông P có khả năng giao tiếp lưu loát và Thái Quang Đông P đồng ý. Thái Quang Đông P có nhiệm vụ gọi điện thoại cho các bị hại để thực hiện các thủ thuật nhằm chiếm đoạt quyền sử dụng số điện thoại, Mạch Thị N thực hiện các thủ thuật chiếm đoạt tiền của các bị hại. Mạch Thị N và Thái Quang Đông P thoả thuận với nhau là Mạch Thị N được hưởng 50% trên tổng số tiền chiếm đoạt được, P được hưởng 50% trên tổng số tiền chiếm đoạt được. Cả hai đã cùng nhau thực hiện thành công nhiều lần chiếm đoạt tiền của người khác. Cách thức thực hiện như sau:

Thái Quang Đông P là người gọi điện đến các bị hại dựa trên các thông tin mà Mạch Thị N cung cấp cho Thái Quang Đông P trước đó, giả danh là nhân viên nhà mạng Mobifone để yêu cầu các bị hại nâng cấp Sim điện thoại từ 3G lên 4G. Khi các bị hại đồng ý thực hiện nâng cấp Sim điện thoại từ 3G lên 4G thì Thái Quang Đông P yêu cầu họ nhắn tin theo cú pháp: “DS <dấu cách> <dãy số seri sim trắng mà N đang giữ>” gửi đến 901 để được hỗ trợ nâng cấp dịch vụ. Mạch Thị N đã chuẩn bị trước các sim trắng và cung cấp các dãy số seri sim trắng khi Thái Quang Đông P yêu cầu rồi Thái Quang Đông P cung cấp cho các bị hại để họ nhắn tin theo yêu cầu của Thái Quang Đông P. Sau khi họ làm theo yêu cầu, phía nhà mạng M1 sẽ gửi về số điện thoại của họ 01 tin nhắn có nội dung: “Quý khách đang yêu cầu thực hiện đổi sim 4G. Nếu đúng vui lòng soạn 1 gửi đến 901 để xác nhận thành công”. Nếu họ thực hiện việc soạn tin nhắn 1 gửi đến 901 thì số thuê bao của họ sẽ được chuyển sang gói sim trắng

mà **Mạch Thị N** đang quản lý. Quyền sử dụng số thuê bao lúc này thuộc về **Mạch Thị N**. Khi có quyền sử dụng số thuê bao của các bị hại thì **Mạch Thị N** thực hiện việc đăng nhập vào tài khoản Gmail của người bị mất quyền sử dụng số thuê bao mà **Mạch Thị N** đã có tên đăng nhập từ trước, kích vào mục “Quên mật khẩu đăng nhập” để Gmail gửi mã OTP về số điện thoại mà **Mạch Thị N** đã chiếm đoạt quyền sử dụng. **Mạch Thị N** thực hiện việc đổi mật khẩu đăng nhập tài khoản Gmail của họ và đăng nhập vào thư mục “hộp thư đến” trong tài khoản Gmail để tìm thông tin về tài khoản ngân hàng của họ. Nếu có thông tin về tài khoản **ngân hàng V2** của họ thì **Mạch Thị N** thực hiện việc sử dụng số điện thoại đã chiếm đoạt được để đăng nhập vào ứng dụng Smartbanking của **ngân hàng V2**, kích vào mục “Quên mật khẩu đăng nhập”. Lúc này phía **ngân hàng V2** sẽ yêu cầu điền những thông tin cần thiết gồm: số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân, địa chỉ **G**, họ và tên, số điện thoại vào ứng dụng (đây là những thông tin **Mạch Thị N** đã có từ trước thông qua hành vi mua bán dữ liệu thông tin người khác). Sau khi điền xong, phía **ngân hàng V2** sẽ gửi mã OTP đến số điện thoại đã bị chiếm đoạt và **Mạch Thị N** sẽ nhập vào ứng dụng Smartbanking. Lúc này phía **ngân hàng V2** sẽ gửi mật khẩu đăng nhập đến tài khoản Gmail mà **Mạch Thị N** đã đăng nhập thành công và **Mạch Thị N** sử dụng mật khẩu này để truy cập vào tài khoản ngân hàng của người bị mất quyền sử dụng số thuê bao trên ứng dụng Smartbanking rồi thực hiện việc chuyển tiền trong tài khoản đến tài khoản khác để chiếm đoạt tiền của họ. Việc chiếm đoạt tiền chỉ thực hiện được đối với những người sử dụng số điện thoại của nhà mạng Mobifone và có tài khoản **ngân hàng V2**, các trường hợp khác sẽ không thực hiện được các thủ thuật đổi mật khẩu như trên.

Mạch Thị N liên hệ với **Nguyễn Phát T1** để thực hiện việc “rửa tiền” và **Nguyễn Phát T1** đồng ý. Khi chiếm đoạt được quyền sử dụng tài khoản ngân hàng của các bị hại, **Mạch Thị N** yêu cầu **Nguyễn Phát T1** cung cấp các tài khoản ngân hàng để nhận tiền và **Mạch Thị N** thực hiện chuyển tiền trong tài khoản ngân hàng của các bị hại đến các tài khoản ngân hàng không chính chủ do **T1** cung cấp. Khi nhận được tiền chuyển đến, **Nguyễn Phát T1** chuyển tiếp qua nhiều tài khoản ngân hàng không chính chủ khác nhau do **Nguyễn Phát T1** quản lý nhằm che giấu dòng tiền rồi sử dụng nguồn tiền này thanh toán các hoá đơn điện nước của những người cần thanh toán hộ (thông qua các hội nhóm, đại lý thanh toán hộ hoá đơn điện nước trên mạng internet) và nhận lại nguồn tiền “sạch” từ các đại lý chuyển đến sau khi các đại lý xác nhận các hoá đơn đã được thanh toán, thu gom tiền từ các hộ dân nhờ dịch vụ thanh toán hộ. Sau khi “rửa tiền” bằng phương thức trên, **Nguyễn Phát T1** chuyển lại tiền “sạch” cho **Mạch Thị N** và những người liên quan thông qua hình thức chuyển khoản. **Nguyễn Phát T1** được hưởng lợi 15% trên tổng số tiền nhận được để “rửa” và chuyển lại cho **Mạch Thị N** cùng những người liên quan số tiền tương ứng với 85% trên tổng số tiền nhận được để “rửa” theo như thoả thuận trước đó.

Sau một thời gian, Đoàn Phạm Thành N1 thấy Mạch Thị N và Thái Quang Đông P làm có tiền nên cũng muốn tham gia cùng và Mạch Thị N, Thái Quang Đông P đồng ý cho Đoàn Phạm Thành N1 cùng tham gia.

Mạch Thị N tìm mua các sim trắng và đưa cho Đ1 Phạm Thành N1 giữ, Mạch Thị N cung cấp các thông tin về bị hại (trong đó có số điện thoại) để Thái Quang Đông P giả danh nhà mạng gọi điện đến cho các bị hại đề nghị họ nâng cấp sim 3G lên 4G. Khi họ đồng ý, Thái Quang Đông P sẽ hướng dẫn họ nhắn tin theo cú pháp “DS<dấu cách><dãy số seri sim trắng mà Đoàn Phạm Thành N1 đang giữ>” gửi đến 901. Khi họ làm theo các hướng dẫn của Thái Quang Đông P thì sim của họ sẽ được chuyển sang sim trắng mà Đoàn Phạm Thành N1 đang giữ. Lúc này Đoàn Phạm Thành N1 có quyền sử dụng số điện thoại của họ. Đoàn Phạm Thành N1 và Thái Quang Đông P báo với Mạch Thị N về việc đã thành công chiếm được số điện thoại của bị hại để Mạch Thị N sử dụng các thủ thuật đăng nhập vào tài khoản ngân hàng của bị hại. Đoàn Phạm Thành N1 chỉ làm nhiệm vụ cung cấp các mã OTP được gửi đến số điện thoại bị hại (mà Đoàn Phạm Thành N1 đang chiếm giữ) cho Mạch Thị N để Mạch Thị N thực hiện việc chiếm đoạt tiền. Việc hưởng lợi được thống nhất như sau: Thái Quang Đông P được hưởng 50% trên tổng số tiền chiếm đoạt được, Đoàn Phạm Thành N1 được hưởng 25% trên tổng số tiền chiếm đoạt được và Mạch Thị N được hưởng 25% trên tổng số tiền chiếm đoạt được.

Sau khi chiếm đoạt được tiền, Mạch Thị N chuyển tiền chiếm đoạt được đến Nguyễn Phát T1 để “rửa tiền” rồi chuyển lại tiền đã “rửa” cho cả nhóm bằng cách chuyển đến cho Mạch Thị N hoặc Đoàn Phạm Thành N1, Thái Quang Đông P theo yêu cầu của Mạch Thị N. Đoàn Phạm Thành N1 và Thái Quang Đông P đều biết việc rửa tiền được thông qua người có tài khoản Telegram tên “The Cao Phat T4” (chính là Nguyễn Phát T1) tuy nhiên quá trình rửa tiền cụ thể như thế nào thì Mạch Thị N, Đoàn Phạm Thành N1 và Thái Quang Đông P không biết. Mạch Thị N yêu cầu Đoàn Phạm Thành N1 liên hệ với người có tài khoản Telegram tên “The Cao Phat Tai” (Nguyễn Phát T1) cùng Thái Quang Đông P để nhận lại tiền sau khi “rửa”. Ngoài ra có những lúc Mạch Thị N nhận tiền trực tiếp sau khi Nguyễn phát T1 “rửa” và Mạch Thị N chuyển cho Đoàn Phạm Thành N1, yêu cầu Đoàn Phạm Thành N1 chuyển cho Thái Quang Đông P phần hưởng lợi của Thái Quang Đông P. Tuy nhiên không phải lúc nào Đoàn Phạm Thành N1 cũng tham gia hoạt động chiếm đoạt tiền cùng với Mạch Thị N và Thái Quang Đông P mà chỉ thỉnh thoảng Đoàn Phạm Thành N1 mới tham gia, có nhiều lúc Mạch Thị N và Thái Quang Đông P tự mình thực hiện riêng mà không có Đoàn Phạm Thành N1 tham gia, những lần đó Đoàn Phạm Thành N1 không được hưởng lợi gì. Đoàn Phạm Thành N1 chỉ hưởng lợi đối với những lần tham gia cùng Mạch Thị N và Thái Quang Đông P.

Bằng thủ đoạn nêu trên, Mạch Thị N, Thái Quang Đông P và Đoàn Phạm Thành N1 đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của chị Hoàng Thị L1 Na trú tại thôn U, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình số tiền 60.000.000 đồng, anh

Lê Trung C trú tại số D M, phường M, quận H, TP . Hà Nội bị chiếm đoạt tổng cộng số tiền 1.060.000.000đ, chị Khổng Thị Hương G1 trú tại số G N, Phường F, Quận C, TP . chuyển tổng cộng số tiền 129.000.000đ và 7.000USD và nhiều người khác. sau đó dùng mạng xã hội zalo “Nga nè”, “Nhân nè” “Hi llllo.”...; T5 “Hi Lo”, “Hay llllo”, “hi llllo”, “Phuong Thai”; “Hung Không” nhắn tin hỏi T1 là: “có tài khoản nào để rửa tiền không”. T1 trả lời là “có”. N liền nhắn lại là: “vậy thì ném đây một số tài khoản” và T1 cung cấp cho N các số tài khoản không chính chủ. N và T1 thỏa thuận với nhau là N sẽ chuyển tiền đến các tài khoản do T1 cung cấp và T1 có trách nhiệm “rửa tiền” rồi chuyển lại cho N để hưởng lợi 15% trên tổng số tiền N chuyển đến cho T1. (BL: 567 – 705; 1703 - 1708, 1752 – 1790)

Sau khi chiếm đoạt được tiền của các bị hại Mạch Thị N, Thái Quang Đông P, đã chuyển tiền đến các Tài khoản ngân hàng mang tên Triệu Thị Kim A1, Nguyễn Thị N2 và Lê Hoàng Anh P1 do Nguyễn Phát T1 cung cấp gồm: 09 tài khoản ngân hàng B5 mang tên Nguyễn Thị N2 số: 15110000992587; 16866009813839; 21199006008479; 21366000320979; 45266008217111; 56266008943968; 63199006352789; 74266008908039; 11766001540900; 05 tài khoản ngân hàng M3 mang tên Triệu Thị Kim A1 số: 6768915486864; 0879462295; 2222282222269; 0679030850791; 52048891347; 01 tài khoản ngân hàng M3 mang tên Lê Hoàng Anh P1 số: 0902559671; 01 tài khoản ngân hàng V3 mang tên Nguyễn Huy T6 số: 104873889135.

Sau khi rửa tiền, Nguyễn Phát T1 đã chuyển cho Mạch Thị N tổng số tiền 2.029.204.000đ, chuyển cho Đoàn Phạm Thành N1 tổng số tiền 79.200.000đ và chuyển cho Thái Quang Đông P tổng số tiền 2.478.175.000đ. Trong đó đối với tổng số tiền 2.029.204.000đ mà Mạch Thị N đã nhận từ Nguyễn Phát T1 có 56.000.000đ là tiền của 04 giao dịch mua bán thẻ game với Nguyễn Phát T1 và 2.000.000đ là tiền Mạch Thị N mượn của Nguyễn Phát T1, còn lại số tiền 1.971.204.000đ là tiền mà Nguyễn Phát T1 rửa tiền từ số tiền mà Mạch Thị N có được trong việc thực hiện các thủ thuật để chiếm đoạt tài sản từ người khác rồi chuyển lại cho Mạch Thị N. Mạch Thị N đã chuyển lại cho Thái Quang Đông P 50% số tiền nhận được theo như thỏa thuận trước đó tương ứng với số tiền 985.602.000đ bằng cách trực tiếp chuyển cho Thái Quang Đông P số tiền 665.886.000đ (là tiền mà Mạch Thị N, Thái Quang Đông P cùng thực hiện chiếm đoạt với nhau) và thông qua Đoàn Phạm Thành N1 để chuyển số tiền 319.716.000đ (là tiền mà Mạch Thị N, Thái Quang Đông P, Đoàn Phạm Thành N1 cùng thực hiện chiếm đoạt với nhau). Mạch Thị N được hưởng số tiền 825.744.000đ và Đoàn Phạm Thành N1 được hưởng số tiền 159.858.000đ.

Đối với tổng số tiền 79.200.000đ mà Đoàn Phạm Thành N1 nhận từ Nguyễn Phát T1, Đoàn Phạm Thành N1 đã giữ lại 25% tương ứng với số tiền 19.800.000đ, chuyển cho Mạch Thị N số tiền 19.800.000đ (tương ứng với 25%) và chuyển lại cho Thái Quang Đông P số tiền 39.600.000đ (tương ứng với 50%).

Đối với tổng số tiền 2.478.175.000đ mà Nguyễn Phát T1 chuyển cho Thái Quang Đông P thì Thái Quang Đông P chuyển cho Đ1 Phạm Thành N1 tổng số tiền 257.800.000đ và chuyển cho Mạch Thị N tổng số tiền 217.600.000đ. Đây đều là tiền hưởng lợi của Mạch Thị N và Đoàn Phạm Thành N1 mà Thái Quang Đông P chuyển lại sau khi P nhận tiền được “rửa” từ Nguyễn Phát T1 (tương ứng với 50% số tiền mà P đã nhận được từ T1), vậy tổng số tiền có được sau khi Nguyễn Phát T1 “rửa tiền” chuyển đến cho Thái Quang Đông P là 950.800.000đ. Đoàn Phạm Thành N1 chỉ được hưởng 50% số tiền nhận được từ Thái Quang Đông P chuyển đến cho Đoàn Phạm Thành N1 (tương ứng với số tiền 128.900.000đ), Mạch Thị N được hưởng toàn bộ số tiền nhận được từ Thái Quang Đông P chuyển đến cho Mạch Thị N (217.600.000đ) và 50% số tiền nhận được từ Thái Quang Đông P chuyển đến cho Đoàn Phạm Thành N1 (tương ứng với số tiền 128.900.000đ).

Tổng cộng Mạch Thị N, Đoàn Phạm Thành N1 và Thái Quang Đông P đã nhận được số tiền 4.528.579.000đ từ Nguyễn Phát T1 sau khi T1 rửa tiền và chuyển lại. Trong đó:

- Số tiền liên quan đến Mạch Thị N qua hoạt động “rửa tiền” là 3.001.204.000đ. Số tiền này tương ứng với 85% tổng số tiền đã chiếm đoạt được từ các bị hại, vậy tổng số tiền mà Mạch Thị N tham gia chiếm đoạt của các bị hại là 3.530.828.235đ. Mạch Thị N hưởng lợi tổng cộng số tiền 1.192.044.000đ.

- Số tiền Đoàn Phạm Thành N1 đã “rửa tiền” là 1.234.232.000đ. Số tiền này tương ứng với 85% tổng số tiền đã chiếm đoạt được từ các bị hại, vậy tổng số tiền mà Đoàn Phạm Thành N1 tham gia chiếm đoạt của các bị hại là 1.452.037.647đ. Đoàn Phạm Thành N1 hưởng lợi tổng cộng số tiền 308.558.000đ.

- Số tiền liên quan đến Thái Quang Đông P qua hoạt động “rửa tiền” và hưởng lợi cùng với Mạch Thị N, Đoàn Phạm Thành N1 là 3.001.204.000đ. Số tiền này tương ứng với 85% tổng số tiền đã chiếm đoạt được từ các bị hại, vậy tổng số tiền mà Thái Quang Đông P tham gia chiếm đoạt của các bị hại cùng với Mạch Thị N và Đoàn Phạm Thành N1 là 3.530.828.235đ. Thái Quang Đông P hưởng lợi tổng cộng số tiền 1.500.602.000đ.

Ngoài ra Thái Quang Đông P còn tự mình thực hiện các thủ thuật chiếm đoạt tiền người khác rồi chuyển đến Nguyễn Phát T1 để rửa tiền và hưởng lợi 85% trên tổng số tiền được rửa. Trong số tiền 2.002.775.000đ Thái Quang Đông P nhận từ Nguyễn Phát T1 có 475.400.000đ là tiền mà Thái Quang Đông P được hưởng lợi từ việc tham gia cùng Mạch Thị N và Đ1 Phạm Thành N1 chiếm đoạt tiền người khác, có 475.400.000đ là tiền mà Mạch Thị N và Đoàn Phạm Thành N1 hưởng lợi khi tham gia chiếm đoạt tiền người khác (Thái Quang Đông P đã chuyển cho N và N1). Số tiền 1.527.375.000đ còn lại là tiền hưởng lợi của riêng cá nhân Thái Quang Đông P đối với những lần Thái Quang Đông P tự mình thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền và rửa tiền mà không có sự tham gia của Mạch Thị N và Đoàn Phạm Thành N1. Số tiền này tương ứng với 85% tổng số tiền mà

Thái Quang Đông P tự mình chiếm đoạt được từ các bị hại. Vậy tổng số tiền mà **Thái Quang Đông P** tự mình chiếm đoạt của người khác là 1.796.911.765đ.

Tổng cộng **Thái Quang Đông P** đã hưởng lợi số tiền 3.027.977.000đ. Tổng số tiền **Thái Quang Đông P** tham gia chiếm đoạt từ các bị hại khi tham gia cùng **Mạch Thị N** và Đoàn **Phạm Thành N1** là 3.530.828.235đ. Tổng số tiền mà **Thái Quang Đông P** tự mình chiếm đoạt của người khác là 1.796.911.765đ.

Nguyễn Phát T1 đã sử dụng 14 tài khoản ngân hàng để nhận tổng số tiền 6.993.367.099 đồng do các đối tượng chuyển đến từ nhiều tài khoản khác nhau. **Nguyễn Phát T1** đã chuyển tiền qua các tài khoản ngân hàng do mình sử dụng nhằm tránh phát hiện của các cơ quan chức năng và sử dụng Tài khoản **Triệu Thị Kim A1** và **Nguyễn Huy T6** thanh toán hộ tiền điện nước của các cá nhân tổ chức và nhận lại tiền thanh toán hộ ở tài khoản ngân hàng **M3** số 3333383333368 mang tên **Nguyễn Phát T1** chuyển cho **Mạch Thị N**, **Thái Quang Đông P** và **Hòa Ngọc H1**. **T1** và các đối tượng thỏa thuận **T1** được hưởng 15% trên số tiền mà **T1** rửa tiền được còn lại 85% chuyển cho các đối tượng.

Các hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy” của **Mạch Thị N** và “Đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông” của **Mạch Thị N**, **Phan Thị B** và **Phạm Lý H2**

Mạch Thị N tàng trữ 1,668g Methamphetamine là chất ma túy, loại trong bọc ni lông cất giấu tận ngăn thứ 3 bên phải trong tủ quần áo tại phòng ngủ của **N** ở phòng trọ số 02, số nhà **D H**, phường **A**, quận **P**, thành phố **Hồ Chí Minh**.

Mạch Thị N, **Phan Thị B** và **Phạm Lý H2** bán các gói data (dữ liệu thông tin cá nhân người khác) cho nhiều người thu lợi bất chính số tiền 304.819.000 đồng. Số tiền có từ việc bán data được **Mạch Thị N**, **Phan Thị B** và **Phạm Lý H2** thống nhất sử dụng vào việc trả tiền phòng trọ và tiền điện nước cho cả 3 người trong thời gian ở chung với nhau tại số nhà **D H**, phường **A**, quận **P**, thành phố **Hồ Chí Minh**. Số tiền còn lại thì **B** và **H2** giữ lại để tiêu xài cá nhân chung với nhau. **Phan Thị B** đã thanh toán tiền phòng trọ và tiền điện nước được 4 tháng (mỗi tháng 14.000.000đ) tương ứng với số tiền 56.000.000đ. Số tiền còn lại sau khi trả tiền nhà 04 tháng là 248.819.000đ được **Phan Thị B** và **Phạm Lý H2** sử dụng chung và đã tiêu xài cá nhân hết cho đến thời điểm bị bắt. **Mạch Thị N** hưởng lợi số tiền 18.666.666đ. **Phan Thị B** và **Phạm Lý H2**, mỗi người hưởng lợi số tiền 143.076.166đ.

Đối với hành vi “Làm và Sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” của **Mạch Thị N**, Đoàn **Phạm Thành N1** và **Ngô Văn T7**

Mạch Thị N dùng điện thoại di động chụp ảnh chân dung của Đoàn **Phạm Thành N1** (là bạn trai của **N**) rồi gửi cho **Ngô Văn T7** nhờ **T7** làm giả CMND. **T7** lên các trang web trên mạng internet để tìm người làm giúp giấy CMND giả và được một người không rõ thông tin, lai lịch nhận làm với giá 800.000đ. Tường chuyển ảnh chân dung của Đoàn **Phạm Thành N1** cho người này thông qua ứng dụng **Z** (hiện nay **T7** không còn thông tin về tài khoản Zalo này) để làm giả giấy CMND. Khi làm xong giấy CMND giả, đối tượng nêu trên thông báo

cho T7 biết và yêu cầu cung cấp địa chỉ người nhận để chuyển đến. T7 liên hệ với N và N cung cấp địa chỉ nhận, người nhận là Đoàn Phạm Thành N1. Đối tượng làm giả giấy CMND chuyển đến cho N1 theo thông tin địa chỉ được cung cấp.

Sau khi nhận được giấy CMND, N nhờ N1 sử dụng giấy CMND này để mở tài khoản ngân hàng giúp N. N1 đồng ý và sử dụng CMND này mở tài khoản số 012447960 mang tên Trần Minh T8 tại ngân hàng V4 rồi giao lại cho N sử dụng dùng để nhận tiền chiếm đoạt được sau khi chuyển cho Nguyễn Phát T1 rửa tiền và thu lợi bất chính 2.029.204.000đ từ Nguyễn Phát T1 chuyển đến đã phạm tội “Sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 3, điều 341 Bộ luật hình sự

Đối với Hỏa Ngọc H1: Hỏa Ngọc H1 có mối quan hệ đồng hương với Đoàn Phạm Thành N1, sinh năm 1995, trú tại thôn Đ, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình gặp gỡ, tiếp xúc với Đoàn Phạm Thành N1 và Mạch Thị N, H1 có nghe N1 nói về việc có cách chiếm đoạt quyền sử dụng số thuê bao, quyền sử dụng tài khoản ngân hàng của người khác để từ đó chiếm đoạt tiền trong tài khoản ngân hàng của họ nhưng N1 không nói với H1 cụ thể cách thức thực hiện như thế nào. H1 tự lên mạng internet để tìm hiểu thêm thông tin và tự hình thành cách thức thủ đoạn chiếm đoạt quyền sử dụng số thuê bao, quyền sử dụng tài khoản ngân hàng của người khác rồi sử dụng để trực tiếp thực hiện việc chiếm đoạt tiền từ tài khoản của người khác. Cụ thể:

Hỏa Ngọc H1 vào các nhóm chat kín, tìm mua đường link dẫn và tài khoản đăng nhập để xâm nhập vào hệ thống dữ liệu khách hàng của Công ty F (H1 không còn nhớ đường link dẫn và tài khoản sử dụng để đăng nhập) hoặc vào các hội nhóm mua bán dữ liệu data trên mạng internet để tìm mua, thu thập dữ liệu thông tin cá nhân người khác. Sau khi có dữ liệu thông tin cá nhân người khác, H1 đặt hàng mua các phôi sim trắng trên trang thương mại điện tử S2 và mua thêm các sim rác (số thuê bao không chính chủ) của nhà mạng M1. H1 sử dụng 02 điện thoại di động, một điện thoại gắn sim rác đã được kích hoạt, một điện thoại gắn phôi sim trắng. Sau đó từ danh sách các thông tin cá nhân người khác, H1 dùng điện thoại gắn sim rác để gọi điện cho những người có sử dụng số điện thoại của nhà mạng Mobifone, giả vờ là nhân viên công ty cung cấp dịch vụ mạng viễn thông hỗ trợ dịch vụ nâng cấp mạng 3G lên 4G và đề nghị họ nhắn tin theo cú pháp “DS <số seri sim trắng mà H1 đang có>” mà H1 soạn sẵn để được hỗ trợ nâng cấp dịch vụ rồi yêu cầu họ gửi tới số 901. Sau khi có tin nhắn của nhà mạng gửi tới số điện thoại của họ thì H1 đề nghị họ soạn tin nhắn 1 để trả lời. Khi thực hiện xong các bước trên thì số điện thoại của người đó được chuyển sang phôi sim trắng của H1, lúc này H1 đã hoàn toàn chiếm quyền quản lý và sử dụng sim điện thoại của người đó. Sau khi chiếm được quyền quản lý và sử dụng sim điện thoại, H1 đăng nhập vào app tài khoản ngân hàng của người bị chiếm quyền sử dụng số điện thoại, click vào mục quên mật khẩu thì sẽ được hệ thống ngân hàng tự động gửi mật khẩu đăng nhập vào số điện thoại mà

H1 đã chiếm đoạt được và H1 có được quyền quản lý và sử dụng tài khoản ngân hàng của họ. H1 thực hiện các lệnh chuyển tiền đi từ tài khoản ngân hàng để chiếm đoạt tiền. Bằng thủ đoạn nêu trên, Hỏa Ngọc H1 đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của người khác, tuy nhiên H1 không nhớ đã chiếm đoạt tiền của những ai, không nhớ số lượng tiền đã chiếm đoạt cũng như mốc thời gian thực hiện. Do lo sợ việc nếu trực tiếp chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của bị hại đến tài khoản của H1 thì sẽ bị Cơ quan Công an phát hiện nên H1 đã liên hệ với bị can Nguyễn Phát T1 để tìm cách “rửa tiền” nhằm tránh sự phát hiện của Cơ quan Công an. Hỏa Ngọc H1 quen Nguyễn Phát T1 thông qua mạng xã hội Facebook vào cuối năm 2021, tuy nhiên H1 và T1 không biết thông tin, lai lịch của nhau, chưa trực tiếp gặp nhau. Thời điểm này H1 có nguồn thẻ Game (dùng để thanh toán tiền trong các trò chơi online) cần bán và H1 liên lạc trên không gian mạng để tìm người mua, qua đó H1 biết và liên lạc với Nguyễn Phát T1. H1 và T1 kết bạn thông qua ứng dụng Telegram để nhắn tin, trao đổi thông tin mua bán với nhau. H1 sử dụng tài khoản Telegram tên “Hung khong” để liên lạc với Nguyễn Phát T1. Sau một thời gian giao dịch mua bán thẻ game với Nguyễn Phát T1, H1 biết được cách thức hack tài khoản ngân hàng của người khác để chiếm đoạt tiền nên đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt quyền sử dụng tài khoản ngân hàng của người khác để từ đó chiếm đoạt tiền có trong tài khoản ngân hàng của họ và sử dụng để giao dịch “rửa tiền” với Nguyễn Phát T1. Có 02 phương thức giao dịch “rửa tiền” với Nguyễn Phát T1 gồm:

- Phương thức 1: Khi đã đăng nhập được vào tài khoản ngân hàng của bị hại, H1 liên lạc với Nguyễn Phát T1 và được T1 cung cấp các số tài khoản ngân hàng không chính chủ để H1 thực hiện lệnh chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của bị hại đến tài khoản ngân hàng do T1 cung cấp (H1 không nhớ chính xác các số tài khoản nhưng tên chủ tài khoản mà T1 cung cấp là Triệu Thị Kim A1). Sau khi nhận được tiền do H1 chuyển đến, T1 sử dụng nguồn tiền này vào việc thanh toán hộ các hóa đơn điện nước rồi nhận lại tiền từ bên cung cấp các hóa đơn điện nước cần thanh toán hộ và chuyển lại cho H1.

- Phương thức 2: Khi đã đăng nhập được vào tài khoản ngân hàng của bị hại, H1 liên lạc với Nguyễn Phát T1 và yêu cầu T1 cung cấp các mã QR hóa đơn thanh toán rồi H1 trực tiếp sử dụng tài khoản ngân hàng của bị hại mà H1 vừa chiếm đoạt được để thanh toán thông qua ứng dụng VNPay rồi nhắn tin với T1 để xác nhận việc đã thanh toán hóa đơn. T1 gom tiền hóa đơn để chuyển trả lại cho H1 sau khi xác nhận các hóa đơn đã được thanh toán.

Hỏa Ngọc H1 và Nguyễn Phát T1 thỏa thuận là T1 sẽ được hưởng 15% trên tổng số tiền H1 chuyển đến cho T1 hoặc 15% tổng giá trị hóa đơn mà H1 trực tiếp thanh toán. T1 chuyển lại cho H1 số tiền 85% còn lại. Nguyễn Phát T1 không rõ cách thức thực hiện thủ thuật chiếm đoạt tiền người khác của Hỏa Ngọc H1.

Từ ngày 20/12/2021 đến ngày 20/01/2022, Nguyễn Phát T1 đã sử dụng tài khoản ngân hàng M4 số 3333383333368 mang tên T1 chuyển tiền 23 lượt đến

tài khoản ngân hàng M4 số 6610101064004 mang tên Hỏa Ngọc H1 với tổng số tiền chuyển đến là 683.760.000đ. Hỏa Ngọc H1 và Nguyễn Phát T1 khai báo trong tổng số tiền 683.760.000đ T1 chuyển đến cho H1 có cả tiền thanh toán trong giao dịch mua bán thẻ Game giữa T1 với H1, có cả tiền từ giao dịch T1 “rửa tiền” chuyển lại cho H1 và cả tiền Tài trả lại cho H1 sau khi H1 thanh toán mã QR của các hóa đơn do T1 cung cấp. Hỏa Ngọc H1 và Nguyễn Phát T1 xác định được 04 giao dịch là mua bán thẻ game với tổng số tiền là 5.760.000đ. Hỏa Ngọc H1 và Nguyễn Phát T1 khai báo lý do xác định được 04 giao dịch mua bán thẻ Game với tổng số tiền 5.760.000đ là vì các giao dịch này có số tiền nhỏ dưới 3.000.000đ. Hỏa Ngọc H1 và Nguyễn Phát T1 không có giao dịch rửa tiền nào với số tiền dưới 3.000.000đ. Nguyễn Phát T1 khai báo bản thân làm nghề mua bán thẻ cào nên Nguyễn Phát T1 biết nếu mua thẻ cào bằng ví điện tử hoặc mua qua APP mua bán thẻ cào thì không thể mua được số lượng nhiều vì bị giới hạn số tiền mua trong ngày, cụ thể là bị giới hạn ở mức cao nhất là 2.000.000đ đến 3.000.000đ (tùy APP quy định), chính vì vậy giữa Nguyễn Phát T1 và Hỏa Ngọc H1 không thể giao dịch mua bán thẻ cào với số lượng tiền quá 3.000.000đ/01 ngày.

Quá trình giao dịch rửa tiền với nhau, có nhiều lần các giao dịch thanh toán mã QR mà Hỏa Ngọc H1 đã thực hiện bị hoàn lại tiền cho chủ tài khoản ngân hàng bị chiếm đoạt nên phía Nguyễn Phát T1 bị các bên cung cấp hoá đơn đòi lại tiền đã chuyển cho T1 (tiền này T1 đã chuyển cho H1 85%) nên Nguyễn Phát T1 yêu cầu H1 trả lại tiền để thanh toán lại cho các bên cung cấp hoá đơn, tuy nhiên Hỏa Ngọc H1 không xác định được bao nhiêu giao dịch bị hoàn tiền nên chỉ chuyển lại cho Nguyễn Phát T1 tổng số tiền 20.000.000đ để T1 trả lại cho các bên cung cấp hoá đơn.

Hỏa Ngọc H1 nhận được từ Nguyễn Phát T1 số tiền 678.000.000đ là tiền thu lợi bất chính của Hỏa Ngọc H1 sau khi H1 trực tiếp và gián tiếp thực hiện hành vi rửa tiền (tương ứng với 85% tổng số tiền chiếm đoạt được từ người khác). Nguyễn Phát T1 thu lợi bất chính số tiền 119.647.059đ (tương ứng với 15% tổng số tiền Hỏa Ngọc H1 chiếm đoạt được từ người khác). Vậy số tiền mà Hỏa Ngọc H1 đã chiếm đoạt được từ các bị hại thông qua hành vi “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” là 797.647.059đ.

Đối với Nguyễn Phát T1: Nguyễn Phát T1 đã có hành vi sử dụng 14/16 tài khoản ngân hàng không chính chủ để nhận tổng số tiền 6.993.367.099đ được chuyển đến từ nhiều tài khoản khác nhau và sử dụng vào việc rửa tiền để hưởng lợi 15% trên tổng số tiền nhận được. Trong tổng số tiền này có các giao dịch nhận tiền từ Mạch Thị N, Thái Quang Đông P, Đoàn Phạm Thành N1 và Hỏa Ngọc H1 để thực hiện việc “rửa tiền”, có cả các giao dịch cá nhân khác của Nguyễn Phát T1, không liên quan đến hành vi phạm tội.

Các số tài khoản ngân hàng không chính chủ mà Nguyễn Phát T1 sử dụng gồm: 09 tài khoản ngân hàng B5 mang tên Nguyễn Thị N2 có các số tài khoản:

15110000992587, 16866009813839, 21199006008479, 21366000320979, 45266008217111, 56266008943968, 63199006352789, 74266008908039 và 11766001540900; 05 tài khoản **ngân hàng M3** mang tên **Triệu Thị Kim A1** có các số tài khoản: 6768915486864, 0879462295, 222228222269, 0679030850791 và 0652048891347; 01 tài khoản **ngân hàng M3** mang tên **Lê Hoàng Anh P1** số: 0902559671; 01 tài khoản **ngân hàng V3** mang tên **Nguyễn Huy T6** số: 104873889135. Trong đó các số tài khoản ngân hàng mang tên **Nguyễn Thị N2**, **Triệu Thị Kim A1** và **Lê Hoàng A2 P1** được **Nguyễn Phát T1** sử dụng để nhận tiền chuyển đến sau đó **Nguyễn Phát T1** chuyển tiếp nhiều lần giữa các tài khoản với nhau để che giấu dòng tiền và cuối cùng là đến tài khoản **ngân hàng V3** mang tên **Nguyễn Huy T6** rồi **Nguyễn Phát T1** sử dụng tài khoản này để thực hiện giao dịch thanh toán hộ các hóa đơn điện nước. Cũng có lúc **Nguyễn Phát T1** sử dụng những tài khoản ngân hàng mang tên **Nguyễn Thị N2**, **Triệu Thị Kim A1** và **Lê Hoàng Anh P1** để thực hiện giao dịch thanh toán hộ các hóa đơn điện nước.

Về cách thức rửa tiền thì có 02 cách thức như sau:

+ Cách thức 1: **Nguyễn Phát T1** sử dụng số tiền nhận được từ các đối tượng nêu trên để thanh toán các mã hoá đơn điện nước mà **T1** đã thu gom từ các đại lý thanh toán hộ hoá đơn điện nước rồi nhận lại tiền từ những người cung cấp hóa đơn cần thanh toán và chuyển lại cho các đối tượng nêu trên 85% tổng số tiền hoá đơn thanh toán, **Nguyễn Phát T1** được hưởng 15% còn lại. **Nguyễn Phát T1** sử dụng phần tiền được hưởng lợi để chi trả chiết khấu cho những người cung cấp hóa đơn cần thanh toán (1,3% tổng số tiền hoá đơn thanh toán).

+ Cách thức 2: **Nguyễn Phát T1** cung cấp các mã hoá đơn điện nước cần thanh toán hoặc mã QR tổng hợp của các hoá đơn điện nước cần thanh toán cho các đối tượng nêu trên để các đối tượng tự thực hiện việc thanh toán rồi báo lại cho **T1** để **T1** xác nhận việc đã thanh toán với các bên cung cấp mã hoá đơn điện nước cần thanh toán hoặc mã QR tổng hợp của các hoá đơn điện nước cần thanh toán. Sau khi xác nhận đã thanh toán, **T1** nhận lại tiền từ những người cung cấp hóa đơn và chuyển lại cho các đối tượng nêu trên 85% tổng số tiền hoá đơn thanh toán, **Nguyễn Phát T1** được hưởng 15% còn lại. **Nguyễn Phát T1** sử dụng phần tiền được hưởng lợi để chi trả chiết khấu cho những người cung cấp hóa đơn cần thanh toán (1,3% tổng số tiền hoá đơn thanh toán).

Mục đích của việc thanh toán như trên rồi nhận lại tiền từ các bên cung cấp hoá đơn điện nước là nhằm che giấu nguồn gốc số tiền đã nhận được từ các đối tượng nêu trên chuyển đến.

Sau khi rửa tiền, **Nguyễn Phát T1** sử dụng tài khoản **ngân hàng M3** số 3333383333368 mang tên **Nguyễn Phát T1** để chuyển trả lại cho **Mạch Thị N**, **Thái Quang Đông P**, **Đoàn Phạm Thành N1** và **Hòa Ngọc H1** tương ứng với 85% số tiền nhận được. Căn cứ dữ liệu sao kê các tài khoản ngân hàng và các tài liệu điều tra xác định:

+ Nguyễn Phát T1 đã chuyển từ tài khoản ngân hàng M3 số 3333383333368 mang tên Nguyễn Phát T1 đến tài khoản ngân hàng V4 số 012447960 mang tên Trần Minh T9 và các tài khoản ngân hàng mang tên Mạch Thị N tổng số tiền 2.029.204.000đ, trong số đó Nguyễn Phát T1 xác định có 56.000.000đ là tiền của 04 giao dịch mua bán thẻ game với Mạch Thị N và 2.000.000đ là tiền Mạch Thị N mượn của Nguyễn Phát T1, còn lại số tiền 1.971.204.000đ là tiền mà Nguyễn Phát T1 “rửa tiền” từ số tiền mà Nguyễn Phát T1 nhận được từ Mạch Thị N rồi chuyển lại cho N theo thỏa thuận. Tương ứng với 85% tổng số tiền mà Nguyễn Phát T1 đã nhận được từ Mạch Thị N để “rửa tiền”.

+ Nguyễn Phát T1 đã chuyển từ tài khoản ngân hàng M3 số 3333383333368 mang tên Nguyễn Phát T1 đến các tài khoản ngân hàng mang tên Đoàn Phạm Thành N1 tổng số tiền 79.200.000đ. Đây là tiền mà Nguyễn Phát T1 “rửa tiền” từ số tiền mà Nguyễn Phát T1 nhận được từ Mạch Thị N rồi chuyển lại cho N thông qua Đoàn Phạm Thành N1 theo yêu cầu của N. Tương ứng với 85% tổng số tiền mà Nguyễn Phát T1 đã nhận được từ Mạch Thị N để “rửa tiền”.

+ Nguyễn Phát T1 đã chuyển từ tài khoản ngân hàng M3 số 3333383333368 mang tên Nguyễn Phát T1 đến các tài khoản ngân hàng mang tên Thái Quang Đông P tổng số tiền 2.478.175.000đ. Đây là tiền mà Nguyễn Phát T1 “rửa tiền” từ số tiền mà Nguyễn Phát T1 nhận được từ Mạch Thị N rồi chuyển lại cho N thông qua Thái Quang Đông P theo yêu cầu của N và cả tiền mà Nguyễn Phát T1 “rửa tiền” từ số tiền mà Nguyễn Phát T1 nhận được từ Thái Quang Đông P rồi chuyển lại cho Thái Quang Đông P theo thỏa thuận. Tương ứng với 85% tổng số tiền mà Nguyễn Phát T1 đã nhận được từ Mạch Thị N và Thái Quang Đông P để “rửa tiền”.

+ Nguyễn Phát T1 đã chuyển từ tài khoản ngân hàng M3 số 3333383333368 mang tên Nguyễn Phát T1 đến tài khoản ngân hàng mang tên Hỏa Ngọc H1 tổng số tiền 683.760.000đ, trong số đó Nguyễn Phát T1 xác định có 5.760.000đ là tiền của 04 giao dịch mua bán thẻ game với Hỏa Ngọc H1, còn lại số tiền 678.000.000đ là tiền mà Nguyễn Phát T1 “rửa tiền” từ số tiền mà Nguyễn Phát T1 nhận được từ Hỏa Ngọc H1 rồi chuyển lại cho H1 theo thỏa thuận. Tương ứng với 85% tổng số tiền mà Nguyễn Phát T1 đã nhận được từ Hỏa Ngọc H1 để “rửa tiền”.

Tổng cộng Nguyễn Phát T1 đã chuyển cho Mạch Thị N, Thái Quang Đông P, Đoàn Phạm Thành N1 và Hỏa Ngọc H1 tổng số tiền 5.206.579.000đ. Số tiền này tương ứng với 85% tổng số tiền mà Nguyễn Phát T1 đã nhận được từ những người nêu trên để “rửa tiền”. Vậy tổng số tiền Nguyễn Phát T1 nhận được để sử dụng vào việc thanh toán hoá đơn (rửa tiền) là 6.125.387.059đ. Nguyễn Phát T1 hưởng lợi số tiền 918.808.059đ. Trong số tiền này, Nguyễn Phát T1 đã sử dụng để chi trả chiết khấu cho bên cung cấp hóa đơn theo thỏa

thuận (1,3% tổng số tiền hoá đơn đã thanh toán) số tiền 79.630.032đ. Số tiền **Nguyễn Phát T1** hưởng lợi thực tế là 839.178.027đ

Đối với **Mạch Thị M2**: Khoảng tháng 5 năm 2022, **Mạch Thị M2** dùng phần mềm Ultraview (phần mềm Ultraview là phần mềm có tính năng sử dụng một máy tính để điều khiển một máy tính khác với điều kiện cả hai máy cùng cài phần mềm này và máy tính điều khiển có mã đăng nhập và mật khẩu hiện thị trên phần mềm Ultraview của máy tính bị điều khiển) trên máy tính cá nhân của **M2** để điều khiển máy tính tại quán Internet và sử dụng máy tính này đăng nhập tài khoản “tranthivan8@fecredit.com.vn” với mật khẩu đăng nhập “Thamdingh*123” trên website “pegacloud.fecredit.online”, xâm nhập trái phép vào website “pegacloud.fecredit.online” vào hệ thống dữ liệu khách hàng của **Công ty T11 (F1)**.

* Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:

- 01 (một) CPU máy vi tính, màu đen, mặt trước có ghi chữ VSPTECH, máy đã qua sử dụng, CPU đang ở chế độ tắt, đã qua sử dụng.

- 01 (một) màn hình máy vi tính màu đen, nhãn hiệu LG, mặt sau có ghi mã model: 27MK600M, máy đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI màu xanh, số imei: 867310053821661 và imei 867310053821679, gấn sim số 0353339330 và sim số 0389998627, điện thoại đã qua sử dụng.

- 04 (bốn) thẻ ATM mang tên **Nguyễn Phát T1** gồm: 01 thẻ **ngân hàng V5** ghi số 9704151524728202; 01 thẻ **ngân hàng M4** ghi số 9704222035041169; 01 thẻ **ngân hàng T12** ghi số 4665848200766814; 01 thẻ Viettel pay ghi số 9704229319312760, đã qua sử dụng.

- 01 (một) màn hình máy tính màu đen, đã qua sử dụng, mặt dưới có ghi Serial No: GRKL 1HA325667, tình trạng lúc thu giữ đang để chế độ tắt, đã qua sử dụng

- 01 (một) CPU máy tính màu đen, mặt sau có ghi ký hiệu XEN46591X1102161059, tình trạng lúc thu giữ đang để chế độ tắt nguồn, đã qua sử dụng

- 01 (một) màn hình máy tính nhãn hiệu EAGLE màu trắng, đã qua sử dụng. Model Q24, **số S**: RISTC09150042, tình trạng lúc thu giữ đang để chế độ tắt nguồn, đã qua sử dụng

- 01 (một) CPU máy tính màu đen nhãn hiệu VSP, mặt sau có ghi ký hiệu: FULL RANGE, tình trạng lúc thu giữ đang để chế độ tắt nguồn, đã qua sử dụng

- 01 (một) bộ phát sóng WIFI nhãn hiệu APTEK màu trắng, model A134GHU, địa chỉ Mac: 00E074CC2C19C, đã qua sử dụng

- 01 (một) bộ phát sóng WIFI nhãn hiệu IGATE, model number: GPON ONT iGate GW 020; Serial 0312741846F8680, đã qua sử dụng

- 01 (một) bộ phát sóng WIFI nhãn hiệu ASUS, Model Name: RT-AC59U; SN: M6IF4Y402469; PN: 90IG0540-BFA4A0; PIN Code: 69931901, đã qua sử dụng.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên **Mạch Thị N**, số 174152059.

- 01 (một) thẻ sim điện thoại Vietnammobile số 0921499710, số serial (ICCID) 8984050922162305379, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Zflip3 5G màu đen, số Imei 1: 355001764499298, điện thoại đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 13 PROMAX màu xanh, số Imei 355782150660847, máy đã qua sử dụng.

- 02 (hai) thẻ sim điện thoại Vinaphone, có số Serial 89840200011226856951 và số 89840200011284698246, đã qua sử dụng.

- 01 (một) bì thư niêm phong, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng tinh thể rắn. Bên ngoài ghi số 1218/KL-KTHS.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu đen xám, số Imei1: 353830104689479, máy đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, mặt sau ghi số Imei: 357931/09/075820/7 và Imei 357932/09/075820/5, đã qua sử dụng.

- 01 (một) Iphone 13 ProMax, màu xanh, số Imei 353393514503574, máy đã qua sử dụng.

- 01 (một) Laptop nhãn hiệu Dell XPS9350, màu xám, máy đã qua sử dụng.

- 09 (chín) đĩa DVD sao lưu dữ liệu giám định, mỗi đĩa được đựng trong một phong bì niêm phong.

*Về dân sự:

- Ngày 26/10/2023 ông **Mạch Văn S** bố của **Mạch Thị N** đã thỏa thuận bồi thường cho ông **Hoàng Văn B2** là người được chị **Hoàng Thị Ly N3** ủy quyền số tiền 40 triệu đồng. Ông **B2** không yêu cầu **N** bồi thường thêm và có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho **Mạch Thị N**.

- Gia đình **Hỏa Ngọc H1** nộp 90.000.000 đồng bồi thường khắc phục hậu quả;

- Gia đình **Nguyễn Phát T1** nộp 30.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính;

- Gia đình **Phạm Lý H2** nộp 10.000.000 đồng bồi thường khắc phục hậu quả;

Tại Bản án sơ thẩm số 11/2025/HS-ST ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo **Mạch Thị N** phạm tội: “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 290; tội “*Rửa tiền*”, quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 324; tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 249; tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm c khoản 3, điều 341; Tội “*Đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông*” quy định tại điểm c, khoản 2, điều 288 Bộ luật hình sự; bị cáo **Thái Quang Đông P** phạm tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông,*

phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 290 và Tội “Rửa tiền” điểm a, b khoản 3 Điều 324 Bộ luật hình sự; Bị cáo **Đoàn Phạm Thành N1** phạm tội: “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 290; Tội “Rửa tiền” điểm a, b khoản 3 Điều 324 và tội “Sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 3, điều 341 Bộ luật hình sự; Bị cáo **Hòa Ngọc H1** phạm tội: “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 290; tội “Rửa tiền” quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 324 Bộ luật hình sự; Bị cáo **Nguyễn Phát T1** phạm tội: “Rửa tiền”, quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 324 Bộ luật hình sự; Bị cáo **Mạch Thị M2** phạm tội: “Xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác” quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 289 Bộ luật hình sự; Bị cáo **Phan Thị B** và **Phạm Lý H2** phạm tội: “Đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông” quy định tại điểm c, khoản 2, điều 288 Bộ luật hình sự và Bị cáo **Ngô Văn T7** phạm tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1, điều 341 Bộ luật hình sự.

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; Điều 38; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo **Mạch Thị N**: 13 (mười ba) năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”;

+ Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 324; Điều 38; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo **Mạch Thị N**: 10 (mười) năm tù về tội “Rửa tiền”;

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo **Mạch Thị N**: 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

+ Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 341; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo **Mạch Thị N**: 03 (ba) năm tù về tội “sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 288; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo **Mạch Thị N**: 02 (hai) năm tù về tội “Đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông”.

Áp dụng Điều 55 BLHS: Tổng hợp hình phạt các tội là: 29 (hai mươi chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/10/2022.

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; Điều 38; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt **Thái Quang Đông P**: 13 (mười ba) năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”;

+ Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 324; Điều 38; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt **Thái Quang Đông P: 11** (mười một) năm tù về tội “Rửa tiền”.

Áp dụng Điều 55 BLHS: Tổng hợp hình phạt các tội là 24 (hai mươi bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 30/01/2024.

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; Điều 38; điểm s, t khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt Đoàn **Phạm Thành N1: 12** (mười hai) năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”;

+ Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 324; Điều 38; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt Đoàn **Phạm Thành N1: 10** (mười) năm về tội “Rửa tiền”;

+ Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 341; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt Đoàn **Phạm Thành N1: 03** (ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55; Điều 56 BLHS: Tổng hợp hình phạt các tội là 25 (hai mươi lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 167/2022/HSST ngày 13/12/2022 của Toà án nhân dân quận 7, thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt Đoàn **Phạm Thành N1 04** (bốn) năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “tổ chức sử dụng ma túy”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 29 năm 06 tháng tù.

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; Điều 38; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 BLHS xử phạt **Hỏa Ngọc H1 11** (mười một) năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”

+ Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 324; Điều 38; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 xử phạt bị cáo **Hỏa Ngọc H1: 10** (mười) năm tù về tội “Rửa tiền”.

Áp dụng Điều 55 BLHS: Tổng hợp hình phạt các tội là 21 (hai mươi một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/11/2023.

+ Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 324; Điều 38; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt **Nguyễn Phát T1 13** (mười ba) năm tù về tội “Rửa tiền”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/10/2022

+ Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 289; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt **Mạch Thị M2 07 (B3)** năm tù về tội “Xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/10/2022.

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 288; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt **Phan Thị B** 02 (hai) năm tù về tội “Đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/9/2023.

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 288; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51BLHS xử phạt **Phạm Lý H2** 02 (hai) năm tù về tội “Đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/9/2023.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 341; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt **Ngô Văn T7** 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” . Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/3/2024.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng, phần án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định.

Vào ngày 24 tháng 01 và các ngày 03, 05 tháng 02 năm 2025, bị cáo **Mạch Thị N**, **Hòa Ngọc H1**, **Nguyễn Phát T1**, Đoàn **Phạm Thành N1**, **Phạm Lý H2** và **Phan Thị B** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo **Phạm Lý H2** và **Phan Thị B** xin rút yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo **Mạch Thị N**, **Hòa Ngọc H1**, **Nguyễn Phát T1** và Đoàn **Phạm Thành N1** vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị xem xét lại số tiền thu lợi bất chính.

*Ý kiến của bị cáo **Mạch Thị N**:* đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại phần trách nhiệm dân sự của bị cáo để giảm số tiền thu lợi bất chính; gia đình bị cáo đã chủ động nộp 90.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, giảm hình phạt cho bị cáo.

*Ý kiến của Luật sư **Hoàng Đại A** và Luật sư **Hồ Minh K** bào chữa cho bị cáo **Hòa Ngọc H1**:* đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại phần lớn số tiền giao dịch của bị cáo là mua bán thẻ Game và vì giao dịch nhiều lần, thời gian khá lâu nên chính bị cáo cũng không nhớ và phân định được để giảm số tiền thu lợi bất chính; gia đình bị cáo đã chủ động nộp 90.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; bị cáo có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu, bị cáo phải nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, giảm hình phạt cho bị cáo.

*Ý kiến của bị cáo **Hòa Ngọc H1**:* thống nhất như ý kiến của Luật sư.

*Ý kiến của Luật sư **Lê H3** bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Phát T1**:* đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại phần lớn số tiền giao dịch của bị cáo là mua bán thẻ Game với các bị cáo khác và các hoá đơn điện nước, mua bán vì giao dịch nhiều lần, thời gian khá lâu nên chính bị cáo cũng không nhớ cụ thể để giảm số tiền thu lợi bất chính; gia đình bị cáo cũng đã chủ động nộp số tiền 30.000.000 đồng

để khắc phục hậu quả; bị cáo là lao động chính trong gia đình, giảm hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của bị cáo Nguyễn Phát T1: thống nhất như ý kiến của Luật sư.

Ý kiến của Luật sư Lê Quang H4 bào chữa cho bị cáo Đoàn Phạm Thành N1: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại trách nhiệm dân sự của bị cáo phần lớn số tiền giao dịch của bị cáo là mua bán thẻ Game với các bị cáo khác để giảm số tiền thu lợi bất chính và giảm hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của bị cáo Đoàn Phạm Thành N1: thống nhất như ý kiến của Luật sư.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Về tố tụng: các bị cáo kháng cáo còn trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận. Về nội dung: Về tội danh của các bị cáo đã rõ; các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới để làm thay đổi nội dung quyết định bản án hình sự sơ thẩm nên không có cơ sở xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Riêng bị cáo **Mạch Thị N**, tại phiên toà ngày 14/4/2025 đã rút yêu cầu kháng cáo và Toà án cấp phúc thẩm đã ra Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm nên không chấp nhận; các bị cáo **Phạm Lý H2** và **Phan Thị B** tại phiên toà phúc thẩm hôm nay xin rút yêu cầu kháng cáo, việc rút kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện; đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với hai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: các bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bị cáo **Mạch Thị N** tại phiên toà ngày 14/4/2025 đã rút yêu cầu kháng cáo, Toà án cấp phúc thẩm đã có Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số 07/2025/HSPT-QĐ, tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo **N** trình bày xin giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là không có căn cứ chấp nhận. Đối với các bị cáo **Phạm Lý H2** và **Phan Thị B** tại phiên toà phúc thẩm hôm nay xin rút yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy việc rút kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên cần chấp nhận, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo.

[2] Về nội dung: Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nhưng các bị cáo đề nghị Hội đồng xem xét lại trong tổng số tiền quy kết các bị cáo phạm tội có nhiều khoản tiền chuyển qua lại là giao dịch mua bán thẻ game; tuy nhiên, cơ quan điều tra đã xem xét xác định cụ thể từng khoản và đã trừ ra cho các bị cáo nên có đủ cơ sở kết luận: từ cuối tháng 6 năm 2021 đến tháng 10 năm 2022 **Thái Quang Đông P** và **Đoàn Phạm Thành N1** cùng nhau dùng thủ thuật trên mạng internet, sử dụng mạng viễn thông, mạng máy tính chuyển đổi số điện thoại của nhiều người sang sim trắng và chiếm quyền sử dụng số điện thoại, chiếm dụng Gmail, **B4** và chiếm

quyền sử dụng tài khoản ngân hàng nhiều người và chiếm đoạt tiền trong tài khoản của nhiều bị hại. Khi chiếm đoạt được tiền, các bị cáo chuyển tiền đã chiếm đoạt được đến bị cáo **Nguyễn Phát T1** để thực hiện việc “*Rửa tiền*” và nhận lại tiền sạch từ bị cáo **T1** để hưởng lợi. Trong đó, bị cáo **N** là người liên hệ trực tiếp với bị cáo **T1** để trao đổi, giao dịch “*rửa tiền*”, bị cáo **Thái Quang Đông P**, Đoàn **Phạm Thành N1** có hành vi giúp sức cho **N** trong các giao dịch rửa tiền bằng cách liên hệ với **T1** để nhận các số tài khoản nhận tiền (không chính chủ) do **T1** cung cấp. Ngoài ra, **P** và **N1** còn nhận các khoản tiền sau khi **T1** “*rửa tiền*” chuyển đến rồi chuyển lại cho các bị cáo khác để hưởng lợi theo thỏa thuận. Bị cáo **P** còn tự mình thực hiện các thủ thuật chiếm đoạt tiền người khác rồi chuyển đến **T** để rửa tiền và hưởng lợi 85% trên tổng số tiền được rửa. **P** đã hưởng lợi số tiền 3.027.977.000đ. Tổng số tiền Phương tham gia chiếm đoạt từ các bị hại khi tham gia cùng **N** và **N1** là 3.530.828.235đ. Tổng số tiền mà **P** tự mình chiếm đoạt của người khác là 1.796.911.765đ.

[3] Riêng với bị cáo **Hỏa Ngọc H1**: Bị cáo tự lên mạng internet để tìm hiểu thêm thông tin và tự hình thành cách thức thủ đoạn chiếm đoạt quyền sử dụng số thuê bao, quyền sử dụng tài khoản ngân hàng của người khác rồi sử dụng để trực tiếp thực hiện việc chiếm đoạt tiền từ tài khoản của người khác, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của người khác nhưng **H1** không nhớ đã chiếm đoạt tiền của những ai, không nhớ số lượng tiền đã chiếm đoạt cũng như mốc thời gian thực hiện. Sau khi chiếm đoạt được tiền của các bị hại, chuyển tiền đến các tài khoản ngân hàng mang tên **Triệu Thị Kim A1**, **Nguyễn Thị N2** và **Lê Hoàng A2 P1** do **T1** cung cấp để rửa tiền sau đó chuyển lại cho **N**, **P** và **H1**. Các bị cáo thỏa thuận là **T1** sẽ được hưởng 15% trên tổng số tiền bị cáo **N**, **H1**, **P** chuyển đến cho **T1** hoặc 15% tổng giá trị hóa đơn mà các bị cáo trực tiếp thanh toán. Bị cáo **T1** chuyển lại số tiền 85% còn lại cho các bị cáo.

[4] Với hành vi như nêu trên, bị cáo **Nguyễn Phát T1** đã có hành vi nhận và rửa tiền chuyển cho **N**, **P**, **N1** và **H1** tổng số tiền 5.206.579.000đ. Số tiền này tương ứng với 85% tổng số tiền mà **T1** đã nhận được từ những người nêu trên để “*rửa tiền*”. Tổng số tiền **T1** nhận được để sử dụng vào việc thanh toán hoá đơn (rửa tiền) là 6.125.387.059đ; **T1** hưởng lợi số tiền 918.808.059đ; trong đó **T1** đã sử dụng để chi trả chiết khấu cho bên cung cấp hóa đơn theo thỏa thuận (1,3% tổng số tiền hoá đơn đã thanh toán) số tiền 79.630.032 đồng. Số tiền Tài hưởng lợi thực tế là 839.178.027 đồng. Hành vi của **T1** đã phạm tội “*Rửa tiền*”, quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 324 của Bộ luật hình sự.

[5] Qua đó, có căn cứ xác định, hành vi của bị cáo **Thái Quang Đông P**, Đoàn **Phạm Thành N1** và **Hỏa Ngọc H1** đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 của Bộ luật hình sự và tội “*Rửa tiền*” quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 324 của Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo **Nguyễn Phát T1** phạm tội “*Rửa tiền*” quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 324 của Bộ luật hình sự.

[6] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo nhận thấy: vụ án có 09 bị cáo, có 04 bị cáo thực hiện nhiều hành vi phạm nhiều tội đó trong đó có bị cáo **Hỏa Ngọc H1**, **Nguyễn Phát T1**. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức thông qua việc sử dụng công cụ là mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử; xâm hại trật tự an toàn công cộng, hệ thống dữ liệu các nhân của các tổ chức tài chính ngân hàng, hoạt động của các ngân hàng, trật tự công cộng, quyền sở hữu của người khác. Các bị cáo đều biết và nhận thức được việc làm của mình là trái pháp luật nhưng vì háms lợi các bị cáo vẫn bất chấp để phạm tội. Vì vậy, cần có mức hình phạt nghiêm đủ để giáo dục cải tạo riêng đối với từng bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy, Toà án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo như: về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo: **Nguyễn Phát T1**, **Hỏa Ngọc H1**, Đoàn **Phạm Thành N1** thực hiện hành vi “*phạm tội 2 lần trở lên*” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo **Nguyễn Phát T1**: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra và cung cấp nhiều thông tin, tài liệu nhằm làm rõ hành vi của các bị cáo: **N**, **N1**, **P**, **H1**; gia đình của bị cáo tự nguyện nộp 30.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính. Ngoài ra, trong tổng số tiền 683.760.000đ mà **T1** chuyển khoản cho **H1**, có 5.760.000đ là tiền của 04 giao dịch mua bán thẻ game trong tổng 23 giao dịch với **H1**, còn lại 678.000.000đ là tiền mà **T1** “rửa tiền” từ số tiền nhận được từ **H1** rồi chuyển lại cho **H1** theo thoả thuận. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo **Hỏa Ngọc H1**: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình thực hiện hành vi phạm tội một thời gian sợ bị cơ quan chức năng phát hiện nên bị cáo dừng lại; gia đình bị cáo đã nộp 90.000.000đ để khắc phục một phần hậu quả; bị cáo là bố đơn thân, có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi (sinh ngày 08/3/2023), ông bà ngoại của bị cáo được tặng Huân chương kháng chiến Hạng nhì và **H5** ba. Quá trình thực hiện nghĩa vụ quân sự tại **Đồn biên phòng C1** thuộc **Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh B**, bị cáo được tặng danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến vào năm 2017; **H1** nhận được từ **T1** số tiền 678.000.000đ (*được trừ 5.760.000đ là tiền của 04 giao dịch mua bán thẻ game*). Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên được áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo bị cáo **Đoàn Phạm Thành N1**: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo khác. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo **Đoàn Phạm Thành N1** 12 (mười hai) năm tù về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”, 10 (mười) năm về tội “*Rửa tiền*”, 03 (ba) năm tù về tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, tổng hợp hình phạt các tội là 25 (hai mươi lăm) năm tù; xử phạt **Hỏa Ngọc H1** 11 (mười một) năm tù về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”, 10 (mười) năm tù về tội “*Rửa tiền*”, tổng hợp hình phạt các tội là 21 (hai mươi một) năm tù; xử phạt **Nguyễn Phát T1** 13 (mười ba) năm tù về tội “*Rửa tiền*” là phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo, không nặng. Các bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới phát sinh ở Tòa án cấp phúc thẩm nên không có cơ sở để xem xét.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo **Hỏa Ngọc H1**, **Nguyễn Phát T1**, **Đoàn Phạm Thành N1** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định; bị cáo **Phạm Lý H2** và **Phan Thị B** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm a, đ khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo **Phạm Lý H2** và bị cáo **Phan Thị B**.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Hỏa Ngọc H1**, **Nguyễn Phát T1** và **Đoàn Phạm Thành N1**; giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2025/HS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đối với các bị cáo.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo với thời hạn 45 ngày để đảm bảo thi hành án (theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử).

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo khác, phần xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự án phí không có

kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Việc thi hành án được thực hiện theo Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2025/HS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Buộc các bị cáo **Hỏa Ngọc H1**, **Nguyễn Phát T1** và Đoàn **Phạm Thành N1** mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo **Phạm Lý H2**, **Phan Thị B** không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp: tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Bình Phước, tỉnh Tiền Giang, tỉnh An Giang, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Bình;
- Các bị cáo (qua trại tạm giam);
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Thông